

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận
đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 1881/BC-SNN ngày 28 tháng 11 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 24/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định về bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: QH-XD (Phg01), TH, NN-TN;
- Lưu: VT. Tr 01/01.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Sửu

QUY ĐỊNH
Cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình
thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44 /2019/QĐ-UBND
ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và cấm mốc công trình thủy lợi trên địa bàn.
- Các nội dung khác không có trong Quy định này, thực hiện theo Luật thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước.
- Các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện các hoạt động liên quan đến vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau* là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm kênh chìm, bờ bao, trạm bơm.
- Đê bao* là đê bảo vệ cho một khu vực riêng biệt, làm nhiệm vụ ngăn nước, bảo vệ sản xuất và môi trường khu vực đó.
- Bờ bao* là công trình bảo vệ cho một khu sản xuất, dân cư nhất định. Bờ bao có thể là bờ kênh kết hợp hoặc bờ bao độc lập.
- Kênh chìm* là kênh có cao trình mực nước thiết kế thấp hơn cao trình mặt đất tự nhiên (là kênh có mặt cắt ngang kênh hoàn toàn trong nền đất tự nhiên). Bao gồm sông rạch tự nhiên, kênh mương từ kênh trực đến kênh cấp I, II, III và nội đồng.

5. *Lưu lượng* là thể tích nước chảy qua một mặt cắt ướt của dòng chảy trong một đơn vị thời gian. Đơn vị tính $\text{m}^3/\text{giây}$.

6. Trạm bơm là tổ hợp các công trình thủy công và các trang thiết bị cơ điện, nhằm đảm bảo lấy nước từ nguồn nước, vận chuyển và bơm nước đến nơi sử dụng hoặc cần tiêu nước thừa ra nơi khác.

7. *Vùng phụ cận* là vùng không gian theo phương ngang và phương thẳng đứng bao quanh công trình thủy lợi, phục vụ cho công tác quản lý khai thác công trình. Vùng phụ cận còn được gọi là hành lang bảo vệ công trình.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác

1. Sông, rạch tự nhiên có lưu lượng từ $100 \text{ m}^3/\text{s}$ trở lên hoặc có chiều rộng đáy kênh từ 50m trở lên, phạm vi vùng phụ cận được xác định cách chân bờ phía đồng trở vào 20m.

2. Kênh, mương có lưu lượng từ $10 \text{ m}^3/\text{s}$ đến dưới $100 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc chiều rộng đáy kênh từ 10m đến dưới 50m (kênh trực, kênh cấp I và kênh cấp II), phạm vi vùng phụ cận được xác định cách chân bờ phía đồng trở vào 10m.

3. Kênh, mương có lưu lượng dưới $10 \text{ m}^3/\text{s}$ hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 10m (kênh cấp II, kênh cấp III và kênh nội đồng), phạm vi vùng phụ cận được xác định cách chân bờ phía đồng trở vào 05m.

4. Bờ bao có diện tích từ 500 ha trở lên, phạm vi vùng phụ cận được xác định cách chân bờ phía đồng tối thiểu 05m, tối đa không quá 20m; đối với diện tích bờ bao dưới 500 ha, phạm vi vùng phụ cận được xác định cách chân bờ phía đồng 05m.

5. Trạm bơm, phạm vi vùng phụ cận được xác định tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía tối thiểu 10m, tối đa không quá 50m.

6. Các tuyến kênh đi dưới đường dây tải điện hoặc đi song song với đường dây tải điện, hành lang bảo vệ an toàn phải tuân thủ theo quy định an toàn đối với đường dây tải điện.

7. Những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kênh kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông, nhưng không nhỏ hơn phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

Điều 5. Cấm mốc xác định chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Căn cứ yêu cầu công tác quản lý, bảo vệ công trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác trên địa bàn.

2. Khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 200m đến 300m; trường hợp kênh ở khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, khoảng cách hai mốc liền nhau từ 100m đến 150m. Tại các điểm chuyển hướng của đường chỉ giới phải có mốc.

3. Đối với công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm công bố công khai phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình.

4. Đối với công trình thủy lợi cấp huyện quản lý, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm, phân cấp quản lý và bảo vệ vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý kênh, mương, sông, rạch tự nhiên từ cấp II trở lên; cống và âu thuyền có chiều rộng cửa từ 03m trở lên; trạm bơm có tổng lưu lượng từ 1.000m³/giờ trở lên; đập từ cấp III trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý kênh, mương, sông, rạch tự nhiên từ cấp III trở xuống; cống và âu thuyền có chiều rộng cửa dưới 03m; trạm bơm có tổng lưu lượng dưới 1.000m³/giờ; đập từ cấp IV trở xuống.

3. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên quan đến quản lý, khai thác bảo vệ vùng phụ cận phải đảm bảo an toàn cho việc vận hành, khai thác công trình và không được đổ chất thải, rác thải, xả nước thải và các hành vi khác làm ô nhiễm nguồn nước trái quy định của pháp luật vào công trình thủy lợi.

Điều 7. Công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp xử lý vi phạm công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền và ngăn chặn các hành vi vi phạm công trình thủy lợi; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Công ty, doanh nghiệp, các địa phương, đơn vị, tổ chức trực tiếp khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên đúng quy định; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho tổ chức, cá nhân trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí phục vụ công tác cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; công tác giải tỏa vi phạm, hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành đối với trường hợp vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đang được quản lý, khai thác.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho tổ chức, cá nhân trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

6. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Tham gia và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp, quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra sai phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ sở hữu, các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý công trình thủy lợi được thực hiện theo Điều 22 của Luật thủy lợi năm 2017.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được giao khai thác công trình thủy lợi:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ an toàn công trình; thường xuyên kiểm tra nhằm kịp thời phát hiện và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết để khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi theo thiết kế.

b) Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử